

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994		6,00	6,00	
2	Phạm Công	Hưng	3671040332	16/10/1993		6,00	6,00	
3	Phạm Phương	Cương	3671040336	19/10/1994		5,00	5,00	
4	Đồng Quang	Ly	3671040344	28/10/1992		,00	,00	Nợ HP
5	Huỳnh Ngọc	Tân	3671040354	26/04/1994		5,00	5,00	
6	Nguyễn Phát	Tài	3671040366	04/07/1994		,00	,00	Nợ HP
7	Vũ Minh	Hùng	3671040371	18/03/1994		6,00	6,00	
8	Lê Quang	Đông	3671040388	02/01/1994		6,00	6,00	
9	Phạm Quốc	Đạt	3671040419	27/05/1994		6,00	6,00	
10	Võ Minh	Cương	3671040422	08/07/1994		6,00	6,00	
11	Nguyễn Văn	Điền	3671040428	25/03/1993		8,00	8,00	
12	Nguyễn Đức	Trọng	3671040434	07/04/1994		5,00	5,00	
13	Võ Minh	Hiệp	3671040436	28/09/1994		,00	,00	
14	Nguyễn Văn	Khánh	3671040442	21/10/1993		,00	,00	Nợ HP
15	Nguyễn Văn	Dĩnh	3671040445	16/07/1992		7,00	7,00	
16	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993		7,00	7,00	
17	Hoàng Văn	Trình	3671040455	22/02/1993		6,00	6,00	
18	Nguyễn Tấn	Đạt	3671040471	03/08/1993		6,00	6,00	
19	Lê Minh	Mẫn	3671040482	16/10/1994		6,00	6,00	
20	Nguyễn Văn	Mạnh	3671040484	06/09/1994		,00	,00	Nợ HP
21	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994		6,00	6,00	
22	Lương Hoàng Phước	Trân	3671040499	19/01/1993		6,00	6,00	
23	Trần Đình	Hiếu	3671040501	15/07/1994		9,00	9,00	
24	Huỳnh Tấn	Phát	3671040505	04/09/1994		8,00	8,00	
25	Phan Tuấn	Anh	3671040509	19/11/1994		,00	,00	
26	Vũ Hải	Đăng	3671040512	19/08/1994		6,00	6,00	
27	Trần Kim	Hồ	3671040522	20/11/1993		6,00	6,00	
28	Nguyễn Quốc	Cường	3671040526	12/05/1994		6,00	6,00	
29	Nguyễn Hữu	Tùng	3671040528	10/12/1993		6,00	6,00	
30	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994		6,00	6,00	
31	Trần Minh	Thành	3671040542	26/08/1994		5,00	5,00	
32	Trần Tuấn	Anh	3671040545	06/11/1994		9,00	9,00	
33	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994		7,00	7,00	
34	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994		9,00	9,00	
35	Hồ Văn	Đạt	3671040572	28/10/1994		6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Xuân	Dục	3671040573	05/10/1993		6,00	6,00	
37	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994		8,00	8,00	
38	Nguyễn	An	3671040575	24/06/1993		,00	,00	
39	Trần Hữu	Vinh	3671040577	16/01/1994		9,00	9,00	
40	Nguyễn Văn	Nam	3671040580	15/03/1993		,00	,00	
41	Nguyễn Công	Lương	3671040594	02/01/1994		5,00	5,00	
42	Nguyễn Trần Đông	Triệu	3671040615	01/01/1994		6,00	6,00	Nợ HP
43	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994		6,00	6,00	
44	Biển Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994		5,00	5,00	
45	Bùi Ngọc	Hiếu	3671040633	28/11/1994		9,00	9,00	
46	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994		6,00	6,00	
47	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994		5,00	5,00	
48	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991		,00	,00	
49	Nguyễn Ngọc	Sang	3671041646	02/01/1993		6,00	6,00	
50	Nguyễn Vương	Triều	3671041965	20/09/1994		,00	,00	
51	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3671041982	27/06/1993		,00	,00	Nợ HP
52	Lưu Công	Nghĩa	3671041989	09/01/1994		6,00	6,00	
53	Bùi Đình	Thiện	3671042010	09/09/1989		,00	,00	Nợ HP
54	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994		,00	,00	Nợ HP
55	Trương Quốc	Quân	3671042041	05/05/1994		6,00	6,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)